

181
G1-C(2)
1992

GIẢN CHI VÀ NGUYỄN HIẾN LÊ

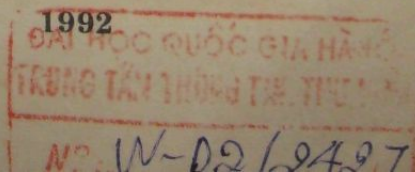
ĐẠI CƯƠNG
TRIẾT HỌC
TRUNG QUỐC

QUYỂN HAI

Xuất bản lần thứ hai



NHÀ XUẤT BẢN TP. HỒ CHÍ MINH



MỤC LỤC QUYỂN HAI

PHẦN THỨ TƯ NHÂN SINH LUẬN

Lời mở đầu.	9
---------------------	---

THIÊN I BẢN CHẤT CON NGƯỜI

Chương I.— Con người trong vũ trụ — Trời và người.

Người với vạn vật.	13
Chủ trương bi quan.	16
Chủ trương lạc quan.	17
<u>Người với trời</u>	21
Thiên nhân hợp nhất.	21
Thiên nhân bất tương quan.	27

Chương II.— Vấn đề thiên mạng.

Ba nghĩa của chữ mạng.	37
Chủ trương tiêu cực.	44
Mạng và nghĩa.	47
Tạo được mạng.	50

Chương III. — Thái độ đối với sự chết và quan niệm về sự bất hủ.

Thái độ đối với sự chết.	53
Quan niệm về sự bất hủ.	60

Chương IV. — Tính.

Tính tương cận.	68
Tính thiện.	72
Tính ác.	76
Tính không thiện không ác.	82
Tính siêu thiện ác.	85
Tính vừa thiện vừa ác.	88
Tính có thiện có ác — Tính có ba hạng.	91
Tính lưỡng nguyên.	95
Tính nhất nguyên.	103

Chương V. — Tình.

Thuyết vô tình.	112
Thuyết tiết tình.	115

Chương VI. — Dục và lý — Cùng lý.

Tiết dục.	128
Vô dục.	132
Túng dục.	134
Lý với dục là hai.	136
Lý với dục là một.	139
Cùng lý.	143

Chương VII. — Tâm và minh tâm.

Quan niệm thời Tiên Tần.	151
Quan niệm từ Hán tới Đường.	154
Quan niệm của phái Đạo học.	156
Quan niệm của phái Tâm học.	159
Sự phân đối ở đời Thanh.	162
Minh tâm.	165

ĐẠO LÀM NGƯỜI

Lời mở đầu.

179

Chương I.— Ba thái độ đối với thiên nhiên.

Trước Không Tử. *	183
Theo thiên nhiên để sửa đổi thiên nhiên.	186
Hodn toan theo thiên nhiên.	191
Chế ngự thiên nhiên.	194
Từ Hàn tới Thanh.	197

Chương II.— Vô vi. *

Trước Lão Tử. *	201
Lão Tử. *	204
Từ Lão Tử tới Trang Tử. *	211
Trang Tử. *	215
Sau Trang Tử. *	224

Chương III.— Hữu vi. *

Tuân Tử.	229
Dịch học phái.	236
Từ Hàn tới Thanh.	255
Phái tiền hình.	259

Chương IV.— Ích và tồn — Động và tĩnh.

Ích và tồn.	275
Động và tĩnh.	283

Chương V.— Nhân và những đức gồm trong nhân. *

Quan niệm nhân xuất hiện.	295
Nhân là gì ?	298
Nhân với dũng và trí.	308

Những mẫu người nhân.	311
Không phải là nhân.	314
Đức nhân ai cũng luyện được.	319
Mạnh Tử : Nhân với nghĩa, khí. ✕	321
Tuân Tử ít giảng về nhân.	328
Từ Hàn trở đi.	332

Chương VI.— Kiêm ái — Kiêm và độc.

Kiểm ái.	342
Những lời chỉ trích.	353
Sửa lại thuyết kiểm ái.	355
Sau Mặc Tử : <i>quân</i> ngã nhất thế.	357
Kiểm và độc.	361

Chương VII.— Nghĩa và lợi.

Nghĩa và lợi không thành vấn đề.	365
Nghĩa hơn tư lợi.	366
Chỉ có nghĩa.	367
Chỉ có lợi.	36
Thái độ dung hòa.	371
Công lợi và tư lợi.	372
Vấn đề vẫn còn nguyên vẹn	375

Chương VIII.— Trung dung.

Sách Trung dung viết vào thời nào ?	381
Từ Khổng Tử. ✕	382
Tới Mạnh Tử.	384
Sau cùng là sách Trung dung.	393
Những nhà khác nói đến trung dung.	404

Chương IX.— Thành.

Từ Khổng Tử tới Tuân Tử.	411
Thành trong Trung dung.	413
Thành trong Đại học.	418
Thành theo phái Đạo học.	422

Kết phần IV.	425
--------------	-----

PHẦN THỨ NĂM

CHÍNH TRỊ LUẬN

<i>Lời mở đầu.</i>	433
Chính trị giữ một địa vị quan trọng trong triết học Trung Hoa.	433
Các chế độ từ trước tới nay.	440
Các phong trào chính trị.	442
Chương I.— Quốc gia và dân tộc.	
Quốc gia.	449
Chủng tộc và dân tộc.	455
Chương II.— Xã hội.	
Trước Mạnh Tử.	464
Ba tiêu chuẩn của Mạnh Tử.	468
Thuyết tam thế của Hàn Phi.	475
Phải giảm bớt sự bất bình đẳng.	477
Ảnh hưởng của Tây Âu.	480
Chương III.— Quân và thần.	
Quyền hành và cách nhận quyền của ông vua.	483
Quân vi khinh.	492
Quân vi trọng.	495
Rời lại quân vi khinh.	498
Những đức cần cho ông vua.	500
Bề tôi — Đức trung.	504
Chương IV.— Dân ý và dân quyền.	
Quý dân.	513
Dân ý.	513
Dư luận.	521
Chính danh và cách mạng.	533
Ước dân.	543

	Lại quí dân.	554
Chương V.— Nhân trị.		
	Giáo dục.	
	Lễ.	549
	Nhạc.	558
	Quân tử.	566
	Vương đạo.	572
		577
Chương VI.— Pháp trị — Pháp với hình thuật và thế.		
	Bá đạo và quân tử.	581
	Từ Thân Bất Hại tới Lý Tư.	585
	Pháp với hình.	589
	Thuật.	596
	Thế.	600
Chương VII.— Vô trị — Thịnh suy có thời.		
	Vô trị.	
	Phản giả đạo chi động.	607
	Vô vi nhi trị.	607
	Từ Lão qua Trang rồi từ Trang về Lão.	612
	Chính sách vô trị suy dần.	617
	Thịnh suy có thời.	622
		625
Chương VIII.— Vô bị.		
	Chủ trương của Khổng.	637
	Chủ trương của Mặc.	644
	Chủ trương của Lão.	649
	Chủ trương của Pháp gia.	650
Chương IX.— Dưỡng dân — Chè sản — Tĩnh điển.		
	Dưỡng dân.	656
	Chế sản.	666
Chương X.— Người hành chính và chính thế.		
		679
Chương XI.— Quốc gia lý tưởng.		
	Lý tưởng của Mặc, Lão và Pháp.	689

Lý tưởng của Nho : đại đồng và tiểu khang. . . 691

Kết phần V. . . 700

Trước khi ngừng bút. . . 707

PHẦN THỨ SÁU

TIÊU SỬ CÁC TRIẾT GIA

Tiêu sử các triết gia sắp theo thời đại. . . 717

PHỤ LỤC

Nguyễn tác Hán văn trích dẫn. . . 765

Bảng kê tên các triết gia sắp theo thứ tự a, b, c. . . 865

Tên người có ghi trong quyển hai . . 879

SÁP ĐỒ

Thất thập nhị hiền. (Rút ở « Confucius et l'humanisme chinois » của P. Đỗ Đình — trang 122) . . 81

Không đồ liệt dục mà nhập thế. (Rút ở « Confucius et l'humanisme chinois » của P. Đỗ Đình — trang 118). . . 177

Trúc lâm thất hiền. (Rút ở Sáp đồ bản « Trung Quốc văn học sử » của Trịnh Chấn Đạc, trang 142 — Văn học cổ tịch san hành xã). . . 241

Thỉnh kinh Phật. (Rút ở « Confucius et l'humanisme chinois » của P. Đỗ Đình — trang 154). . . 305

Hồ Khê tam tiến. * (Rút ở Sáp đồ bản « Trung Quốc văn học sử » của Trịnh Chấn Đạc, trang 178 — Văn học sử cô tịch san hành xã). 385

Trương Hoành Cừ. (Rút ở « Confucius et l'humanisme chinois » của P. Đỗ Đình — trang 168). 465

Thích thị diệt dục mà xuất thế. (Rút ở « Confucius et l'humanisme chinois » của P. Đỗ Đình — trang 119). 609

Chu Hi. (Rút ở « Confucius et l'humanisme chinois » của P. Đỗ Đình — trang 169). 705

* Tương truyền sư Huệ Viễn ở chùa Đông Lâm nơi Lư Sơn, tiễn khách không bao giờ qua một cái ngòai ở gần chùa. Một hôm cùng với Đào Uyên Minh và đạo sĩ Lục Tịch Tu mãi nói chuyện mà qua bên kia cái ngòai đó. Thình lình nghe tiếng cộp găm, cả ba đều cười lớn rồi từ biệt nhau. Ngòi cười, có tên là Hồ Khê (Ngòi Cộp) — Di tích hiện vẫn còn.

(theo Trịnh Chấn Đạc)